

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 241/2019/HS-ST

Ngày: 04-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khiển - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân T; sinh năm 1981 tại tỉnh **Thái Bình**; nơi cư trú: Xóm 8, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: **lớp 04/12**; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Xuân T và bà: Đào Thị Q; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 18-9-2007 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); **bị bắt, tạm giữ ngày 25-6-2019; chuyển tạm giam ngày 28-6-2019; có mặt.**

- Bị hại:

1. **Ông Phạm Hào Q**; sinh năm 1948; nơi cư trú: Khu tập thể công ty công nghiệp tàu thủy N, đường T, phường K, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. **Chị Trần Thị V**; sinh năm 1983; nơi cư trú: Lô 4 thửa 34 tờ 6 Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. **Anh Lương Tuấn A**; sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 54 đường M, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. **Anh Lưu Văn D**; sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 02 đường S, khu đô thị T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T có sở thích sưu tầm đồng hồ Côn nhưng do không có tiền để mua nên đã nảy sinh ý định tìm kiếm nhà dân có đồng hồ Côn và tìm cách để đột nhập trộm cắp tài sản. T đã thực hiện bốn vụ trộm cắp cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 17-9-2017, T một mình điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát 17N2 - 7147 đến thành phố N, Thoán đi theo đường V và rẽ vào ngõ đối diện Công ty bao bì N. Thoán giấu xe máy vào bụi cây ven đường sau đó đi bộ tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà ông Phạm Hào Q thì nghe thấy tiếng chuông đồng hồ Côn, quan sát thấy cửa ban công tầng 02 nhà ông Q mở, không khóa. T đi vòng ra đằng sau nhà, trèo lên tường bao phía bên phải giáp ban công nhà ông Q, rồi trèo lên lưới B40 ngay phía trên tường, từ lưới B40 T trèo vào ban công tầng 02, thấy tại phòng khách tầng 2 nhà ông Q không có ai ngủ, T vào phòng tầng 2, phát hiện chiếc đồng hồ Côn hộp gỗ, màu đen, mặt bát giác, 10 côn nhãn hiệu ODO ông Quang treo trên tường, ngay phía dưới đồng hồ có kê một chiếc bàn học để máy tính. T trèo lên bàn học, tháo chiếc đồng hồ Côn xuống rồi bê ra để ở ban công. T tìm được một cuộn dây cáp internet để ở góc ban công nên đã lấy buộc vào khung đồng hồ rồi thả xuống đất. T trèo xuống theo lối đột nhập, bê chiếc đồng hồ ra chỗ xe, rồi tẩu thoát về nhà. T treo chiếc đồng hồ ở nhà và nói với vợ là chị Phạm Thị N đã mua chiếc đồng hồ trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 24-06-2018, T điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát 17N2-7147 đến khu đô thị T, thành phố N, giấu xe máy ở một bụi cây ven đường rồi đi lang thang tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, phát hiện nhà anh Lưu Văn D có tiếng chuông đồng hồ Côn, quan sát thấy cửa tầng 02 nhà anh D mở, không khóa nên T tìm cách đột nhập vào nhà. Thấy nhà bên cạnh số 04 S đang xây dựng mới đổ mái tầng 01, chưa có cửa ra vào; T đi vào nhà số 04 lên tầng 2 ra ban công rồi trèo sang ban công nhà anh D. Thấy phòng ngủ tầng 2 nhà anh D không có người ngủ, T vào nhà qua phòng ngủ tầng 2, sau đó đi xuống tầng 1, phát hiện chiếc đồng hồ Côn loại hộp gỗ chân tiện, kích thước 80x35cm, 08 côn anh D treo trên tường cách sàn

nhà 02 mét, dưới chiếc đồng hồ có một chiếc ghế đôn. T trèo lên ghế đôn, tháo chiếc đồng hồ xuống rồi bê đồng hồ lên ban công tầng 03 nhà anh D. Tại đây, T tìm được một đoạn dây buộc cốt pha buộc vào khuy đồng hồ rồi thả từ ban công tầng 03 xuống mái bằng tầng 01 nhà số 4 bên cạnh. Sau đó T xuống lấy đồng hồ rồi bê đồng hồ ra chỗ để chiếc xe máy và mang chiếc đồng hồ về treo tại nhà. T nói với vợ là mua chiếc đồng hồ về chơi.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 19-5-2019, T một mình điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát 17N2-7147 đi đến khu đô thị T, thành phố N, giấu xe vào một bụi cây ven đường phía sau Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định rồi đi tìm kiếm nhà dân có sơ hở để đột nhập. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà chị Trần Thị V, T nghe thấy tiếng chuông đồng hồ Côn phát ra từ trong nhà. Quan sát cửa tầng 3 của nhà chị V không đóng, T tìm xung quanh được một cuộn ống ti ô ở một nhà dân đang xây gần đó và nhét vào cạp quần sau đó tìm cách đột nhập vào nhà chị V. T dùng tay, chân bám và đạp vào các khe xi măng của cột phía trước nhà trèo lên ban công tầng 3 nhà chị V, lúc này, chị V đang ngủ ở tầng hai. T đi xuống tầng 1, phát hiện chiếc đồng hồ Côn, hộp gỗ màu nâu kích thước 60x45 cm được treo ở trên tường. T vào phòng bếp lấy ghế để kê và tháo được chiếc đồng hồ Côn rồi bê chiếc đồng hồ lên tầng 3 để ở ban công, tiếp tục xuống tầng 1 để tìm kiếm tài sản. Phát hiện chiếc xe máy của chị V dựng ở gần cửa ra vào chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, T mở cốp xe lấy chiếc túi xách bên trong cốp rồi đi lên sân thượng của nhà chị V kiểm tra thì thấy trong túi chị V có để số tiền 500.000 đồng và một số giấy tờ, T lấy số tiền 500.000 đồng rồi vắt toàn bộ giấy tờ, túi xách tại sân thượng. T đi xuống ban công tầng 3, lấy cuộn dây ti ô đã chuẩn bị sẵn buộc vào khuy treo đồng hồ Côn rồi thả xuống đất. Sau đó, T trèo theo lối đã đột nhập xuống đất, bê chiếc đồng hồ ra chỗ giấu xe rồi chở về nhà. T treo chiếc đồng hồ Côn trên tại nhà để chơi và nói với vợ là mua chiếc đồng hồ Côn trên về để sử dụng. Số tiền trộm cắp được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 00 giờ ngày 17-06-2019, T điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát 17N2-7147 đi đến khu đô thị T, thành phố N, giấu xe vào bụi cây rồi đi lang thang tìm nhà dân có sơ hở để trộm cắp tài sản. Phát hiện nhà anh Lương Tuấn A không đóng cửa ban công tầng 3 nên T tìm cách đột nhập vào nhà. T cởi áo trùm lên đầu, mặc quần đùi sau đó bám và trèo lên tường bao nhà số 50 sau đó men theo ban công sang nhà số 52 rồi sang ban công nhà số 54. Khi lên được tầng 2 nhà số 54 T bám vào các khe tường để lên tầng 3 rồi đột nhập vào nhà, lúc này anh Tuấn A và gia đình đang ngủ ở một phòng ở tầng hai. T xuống tầng 1 phát hiện phía cửa ra vào anh Tuấn A có dựng chiếc xe máy dạng xe ga, chùm chìa khóa để trên bàn máy tính, để tránh tạo ra tiếng động T đã tháo chìa khóa xe ra khỏi chùm rồi đi đến mở cốp xe nhưng không lấy được tài sản gì. T tiếp tục tìm tài sản thì phát hiện một chiếc túi xách để trên đôn kê ở góc nhà. T cầm chiếc túi lên

phòng ngủ cạnh ban công tầng 2, thấy không có ai ngủ, T đi vào phòng và mở túi lấy được số tiền trong túi là 2.300.000 đồng rồi mang túi xách để lại vị trí cũ. Sau đó T đi lên phòng ngủ cạnh ban công tầng 2 mở cửa ban công rồi trèo tàu thoát ra chỗ giấu xe và điều khiển xe về nhà. Số tiền trộm cắp được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Q, anh D, anh Tuấn A và chị V đã có đơn trình báo đến Cơ quan công an. Quá trình điều tra, ngày 25-06-2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Xuân T. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại xóm 8, B, K, Thái Bình; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định thu giữ được ba chiếc đồng hồ Côn là vật chứng của các vụ án trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá xác định những chiếc đồng hồ Côn là vật chứng trong vụ án trên có giá trị như sau:

- Chiếc đồng hồ Côn hiệu ODO kích thước khoảng (80x40) cm, 10 côn của ông Phạm Hào Q là vật chứng trong vụ án thứ nhất có giá trị là: 19.000.000 đồng.
- Chiếc đồng hồ Côn kích thước (80x35) cm, 8 côn của anh Lưu Văn D là vật chứng trong vụ án thứ hai có giá trị là: 6.000.000 đồng.
- Chiếc đồng hồ Côn kích thước (60x45) cm, 8 côn của chị Trần Thị V là vật chứng trong vụ án thứ ba có giá trị là: 5.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Nam Định đã tiến hành trả lại tài sản của từng vụ án cho các bị hại như sau:

- Trả lại cho ông Q chiếc đồng hồ côn hiệu ODO, kích thước (80x40) cm. Ông Q đã nhận lại và không có ý kiến gì thêm.
- Trả lại cho anh Lưu Văn D chiếc đồng hồ côn kích thước (80x35) cm, 8 côn. Anh D đã nhận lại và không có ý kiến gì thêm.
- Trả lại cho chị Trần Thị V chiếc đồng hồ côn kích thước (60x45) cm. Ông Phạm Văn H là bố vợ của T đã nộp số tiền 500.000 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại 500.000 đồng cho chị V. Chị V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.
- Ông Phạm Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 2.300.000 đồng để bồi thường cho anh Lương Tuấn A. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền cho anh Tuấn A anh Tuấn A nhận và không có ý kiến gì thêm.

Quá trình bắt giữ Phạm Xuân T, Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe máy Wave biển kiểm soát 17N2 - 7147. Thoán khai chiếc xe là của chị Phạm Thị N. Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu và làm rõ nguồn gốc của chiếc xe nên đã trả lại chiếc xe máy cho chị N.

Bản cáo trạng số **242/CT-VKS ngày 12-8-2019** của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Phạm Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân T khai nhận bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã giao nộp lại tài sản trộm cắp được cho cơ quan điều tra và nhờ gia đình bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Xuân T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác; đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17-09-2017, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc đồng hồ Côn của ông Phạm Hào Q có giá trị là 19.000.000 đồng tại Khu tập thể Công ty công nghiệp tàu thủy N, đường T, phường K, thành phố N. Ngày 24-06-2018, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc đồng hồ Côn của anh Lưu Văn D có giá trị là 6.000.000 đồng tại số nhà số 2 đường S, khu đô thị T, phường L, thành phố N. Ngày 19-5-2019, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc đồng hồ Côn có giá trị là 5.000.000 đồng và số tiền 500.000 đồng của chị Trần Thị V tại số nhà lô 4 thửa 34 tổ 6 Đ, phường T, thành phố N. Ngày 17-06-2019, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Lương Tuấn A số tiền 2.300.000 đồng tại số nhà 54 đường M, phường L, thành phố N. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là: 32.800.000 đồng. Bị cáo có năng

lực trách nhiệm hình sự, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý; do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án bị kết án đã được xóa án tích. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bốn lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị trên hai triệu đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, cha bị cáo là thương binh hạng 4/4; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại là ông Phạm Hào Q, anh Lưu Văn D, chị Trần Thị V, anh Lương Tuấn A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 17 N2-7147 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị N (vợ bị cáo), Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là đúng quy định của pháp luật

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 25-6-2019.

2. Án phí: Bị cáo Phạm Xuân T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại là ông Phạm Hào Q, anh Lưu Văn D, chị Trần Thị V, anh Lương Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diện

